Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Building a better working world

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN K HO VẬN M IỀN NAM 2025.03.28 18:39:02+07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
DN: 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0300645369, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM, st=Hồ Chí Minh, c=VN
Date: 2025.03.28 22:14:47 +07'00'

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty"), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 16 vào ngày 19 tháng 5 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDHCM") với mã giao dịch là STG theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Tuấn Anh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quốc Thúc	Phó chủ tịch	
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	
Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên độc lập	
Ông Lee Kian Huat	Thành viên độc lập	
Bà Seow Hwee	Thành viên	
Ông Kelvin Lim Chia Siong	Thành viên	bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2024
Ông Phay Wenfu, Daniel	Thành viên	từ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2024

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Lê Hùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Quốc Thúc	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc	
Ông Kelvin Lim Chia Siong	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2024
Ông Phay Wenfu, Daniel	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Đặng Vũ Thành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vào ngày 27 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 67726353/11598118

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Maria Cristina M. Calimbas	Đặng Minh Tài
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán	Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1073-2023-004-1	Số: 2815-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**128.100.202.018**	**148.255.733.211**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***32.319.839.415***	***125.638.583.549***
111	1. Tiền		7.319.839.415	45.638.583.549
112	2. Các khoản tương đương tiền		25.000.000.000	80.000.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***20.565.928.093***	***571.159.093***
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6	683.872.558	683.872.558
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6	(117.944.465)	(112.713.465)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	20.000.000.000	-
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***	***7***	***74.745.293.650***	***21.386.409.137***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		26.109.013.656	22.353.032.652
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		8.945.227.904	9.236.571.150
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		50.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		90.000.000	14.731.781
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.398.947.910)	(10.217.926.446)
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***469.140.860***	***659.581.432***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	128.890.969	99.185.827
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	13	340.249.891	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	-	560.395.605

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		***1.601.199.399.139***	**1.578.722.131.293**
220	***I. Tài sản cố định***		***132.219.180.227***	***101.114.857.901***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	118.527.077.319	86.783.519.817
222	Nguyên giá		280.759.070.268	237.998.666.763
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(162.231.992.949)	(151.215.146.946)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	13.692.102.908	14.331.338.084
228	Nguyên giá		16.373.587.813	16.373.587.813
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.681.484.905)	(2.042.249.729)
250	***II. Đầu tư tài chính dài hạn***	**10**	***1.463.112.098.677***	***1.463.119.005.710***
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.443.255.833.863	1.443.255.833.863
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh		20.000.000.000	20.000.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(143.735.186)	(136.828.153)
260	***III. Tài sản dài hạn khác***		***5.868.120.235***	***14.488.267.682***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	5.828.189.048	14.448.336.495
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	39.931.187	39.931.187
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.729.299.601.157**	**1.726.977.864.504**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**125.218.098.321**	**133.800.103.984**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***97.765.442.386***	***106.347.448.049***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	739.143.786	2.877.388.768
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		4.068.210	34.096.210
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.013.753.109	1.680.784.443
314	4. Phải trả người lao động		1.470.784.709	1.952.697.831
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	152.399.996	245.738.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15.1	87.376.822.959	90.198.148.658
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	5.008.469.617	9.358.594.139
330	***II. Nợ dài hạn***		***27.452.655.935***	***27.452.655.935***
337	1. Phải trả dài hạn khác	15.2	27.253.000.000	27.253.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	17	199.655.935	199.655.935
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.604.081.502.836**	**1.593.177.760.520**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***18.1***	***1.604.081.502.836***	***1.593.177.760.520***
411	1. Vốn cổ phần		982.533.570.000	982.533.570.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*982.533.570.000*	*982.533.570.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(2.033.034.900)	(2.033.034.900)
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		623.580.967.736	612.677.225.420
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*612.616.643.832*	*600.560.907.897*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*10.964.323.904*	*12.116.317.523*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.729.299.601.157**	**1.726.977.864.504**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Hoàng Thị Anh Thư	Nguyễn Mai Khánh Trình	Đặng Vũ Thành
Người lập	Kế toán trưởng/ Giám đốc tài chính	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
10	**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**19.1**	**102.280.958.598**	**109.708.661.380**
11	**2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**20, 23**	**(67.772.137.999)**	**(72.098.640.905)**
20	**3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**34.508.820.599**	**37.610.020.475**
21	**4. Doanh thu hoạt động tài chính**	**19.2**	**3.425.104.597**	**3.181.633.843**
22	**5. Chi phí tài chính**	**21**	**(3.012.138.033)**	**(3.006.715.033)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(3.000.000.000)*	*(3.000.000.000)*
25	**6. Chi phí bán hàng**	**22, 23**	**(19.731.624)**	**(60.709.967)**
26	**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**22, 23**	**(20.864.485.903)**	**(22.312.280.283)**
30	**8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**14.037.569.636**	**15.411.949.035**
31	**9. Thu nhập khác**		**100.578.358**	**688.286.271**
32	**10. Chi phí khác**		**(3.212.807)**	**(138.014)**
40	**11. Lợi nhuận khác**		**97.365.551**	**688.148.257**
50	**12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**14.134.935.187**	**16.100.097.292**
51	**13. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**24.1**	**(3.170.611.283)**	**(3.972.124.940)**
52	**14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	**24.3**	**-**	**(11.654.829)**
60	**15. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**10.964.323.904**	**12.116.317.523**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Hoàng Thị Anh Thư	Nguyễn Mai Khánh Trình	Đặng Vũ Thành
Người lập	Kế toán trưởng/ Giám đốc tài chính	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**14.134.935.187**	**16.100.097.292**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9	11.656.081.179	12.118.584.685
03	Dự phòng		193.159.497	404.142.935
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.415.104.597)	(3.181.633.843)
06	Chi phí lãi vay	21	3.000.000.000	3.000.000.000
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**25.569.071.266**	**28.441.191.069**
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(2.121.730.949)	39.175.843.752
10	Giảm hàng tồn kho		-	2.420.987.318
11	Giảm các khoản phải trả		(4.005.371.453)	(5.645.165.006)
12	Giảm chi phí trả trước		8.590.442.305	4.596.152.534
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.000.000.000)	(3.074.213.151)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.206.663.671)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.410.706.110)	(182.806.276)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**17.415.041.388**	**65.731.990.240**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(42.950.860.805)	(460.632.782)
23	Tiền chi cho vay		(81.000.000.000)	(27.500.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		11.000.000.000	77.500.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức		2.217.075.283	5.547.930.350
30	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư**		**(110.733.785.522)**	**55.087.297.568**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**(93.318.744.134)**	**120.819.287.808**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**125.638.583.549**	**4.819.295.741**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**4**	**32.319.839.415**	**125.638.583.549**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Hoàng Thị Anh Thư	Nguyễn Mai Khánh Trình	Đặng Vũ Thành
Người lập	Kế toán trưởng/ Giám đốc tài chính	Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam ("Công ty"), trước đây là Công ty Kho vận Miền Nam, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 16 vào ngày 19 tháng 5 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDHCM") theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 32 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 31).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 10.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đề ngày 27 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 37 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư chứng khoán và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính riêng sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng Quản trị Công ty.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Thu nhập được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền gửi ngân hàng	7.319.839.415	45.638.583.549
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	80.000.000.000
TỔNG CỘNG	**32.319.839.415**	**125.638.583.549**

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 3,7% đến 4,0%/một năm.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn trên ba (3) tháng và dưới mười hai (12) tháng hưởng lãi suất tiền gửi áp dụng theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá gốc	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá trị hợp lý*	*Dự phòng*
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà	126.752.447	9.283.200	(117.469.247)	126.752.447	14.506.500	(112.245.947)
Chứng khoán khác	1.120.111	644.893	(475.218)	1.120.111	652.593	(467.518)
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	556.000.000	1.015.238.095	-	556.000.000	980.000.000	-
TỔNG CỘNG	**683.872.558**	**1.025.166.188**	**(117.944.465)**	**683.872.558**	**995.159.093**	**(112.713.465)**

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	**26.109.013.656**	**22.353.032.652**
Trong đó:		
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	*22.724.255.075*	*18.947.043.408*
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hoàng Nhân	*934.684.960*	*934.684.960*
Các khoản phải thu khách hàng khác	*2.450.073.621*	*2.471.304.284*
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**8.945.227.904**	**9.236.571.150**
Trong đó:		
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Xây dựng Cẩm Anh	*8.773.817.614*	*8.773.817.614*
Các khoản trả trước khác	*171.410.290*	*462.753.536*
Phải thu về cho vay ngắn hạn	**50.000.000.000**	**-**
Trong đó:		
Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistics *(*) (Thuyết minh số 25)*	*50.000.000.000*	-
Phải thu ngắn hạn khác	**90.000.000**	**14.731.781**
Trong đó:		
Tạm ứng cho nhân viên	*80.000.000*	-
Ký quỹ	*10.000.000*	*10.000.000*
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	-	*4.731.781*
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	**(10.398.947.910)**	**(10.217.926.446)**
GIÁ TRỊ THUẦN	**74.745.293.650**	**21.386.409.137**

(*) Đây là khoản cho vay tín chấp ngắn hạn với lãi suất 6,38%/năm và kỳ hạn trả từ ngày 17 tháng 6 năm 2025 ngày 10 tháng 12 năm 2025.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	(10.217.926.446)	(9.762.224.399)
Dự phòng trích lập trong năm	(181.021.464)	(468.851.297)
Hoàn nhập dự phòng	-	13.149.250
Số cuối năm	(10.398.947.910)	(10.217.926.446)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá					
Số đầu năm	187.698.035.733	5.055.150.382	43.715.384.194	1.530.096.454	237.998.666.763
Mua mới	42.760.403.505	-	-	-	42.760.403.505
Số cuối năm	230.458.439.238	5.055.150.382	43.715.384.194	1.530.096.454	280.759.070.268
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	*28.792.670.897*	*5.022.432.200*	*43.715.384.194*	*1.435.395.995*	*78.965.883.286*
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	(101.736.514.731)	(5.027.885.228)	(42.997.729.160)	(1.453.017.827)	(151.215.146.946)
Khấu hao trong năm	(10.259.636.052)	(10.906.056)	(717.655.034)	(28.648.861)	(11.016.846.003)
Số cuối năm	(111.996.150.783)	(5.038.791.284)	(43.715.384.194)	(1.481.666.688)	(162.231.992.949)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	85.961.521.002	27.265.154	717.655.034	77.078.627	86.783.519.817
Số cuối năm	118.462.288.455	16.359.098	-	48.429.766	118.527.077.319

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	10.827.965.313	5.545.622.500	16.373.587.813
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	*1.766.067.500*	*1.766.067.500*
Giá trị khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	-	(2.042.249.729)	(2.042.249.729)
Khấu hao trong năm	-	(639.235.176)	(639.235.176)
Số cuối năm	-	(2.681.484.905)	(2.681.484.905)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	10.827.965.313	3.503.372.771	14.331.338.084
Số cuối năm	10.827.965.313	2.864.137.595	13.692.102.908

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Đầu tư vào các công ty con *(Thuyết minh số 10.1)*	1.443.255.833.863	-	1.443.255.833.863	-
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết *(Thuyết minh số 10.2)*	20.000.000.000	(143.735.186)	20.000.000.000	(136.828.153)
TỔNG CỘNG	**1.463.255.833.863**	**(143.735.186)**	**1.463.255.833.863**	**(136.828.153)**

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

10.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	*Hoạt động chính*	*Số đầu năm và số cuối năm*				
		Giá gốc (VND)	*Dự phòng (VND)*	*Giá trị còn lại (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Vận tải	901.000.000.000	-	901.000.000.000	100,00	100,00
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex	Vận tải	319.816.771.989	-	319.816.771.989	93,17	93,17
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam *(*)*	Vận tải	108.162.000.000	-	108.162.000.000	8,94	93,34
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Vận tải	91.337.061.874	-	91.337.061.874	100,00	100,00
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Dịch vụ cảng	22.940.000.000	-	22.940.000.000	100,00	100,00
TỔNG CỘNG		**1.443.255.833.863**	**-**	**1.443.255.833.863**		

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam là công ty con gián tiếp của Công ty thông qua việc Công ty sở hữu toàn bộ vốn tại Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans, công ty mẹ của Tổng công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong Tổng công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam là 93,34% (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 93,34%).

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

10.2 Đầu tư vào các công ty liên doanh

Tên công ty liên doanh	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Tình trạng hoạt động*	*Số đầu năm và số cuối năm*		
			Tỷ lệ sở hữu	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*	*Giá gốc*
			%		*VND*
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO *(i)*	Bất động sản	Trước hoạt động	50	50	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier *(ii)*	Bất động sản	Trước hoạt động	50	50	10.000.000.000
TỔNG CỘNG					**20.000.000.000**

(i) Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO ("SORECO") là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0312576215 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SORECO là kinh doanh bất động sản.

(ii) Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier ("The Pier") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo CNĐKDN số 0313877800 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2016. Hoạt động chính của The Pier là kinh doanh bất động sản.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Chi phí phần mềm	89.777.996	41.598.183
Phí bảo hiểm	7.176.304	8.981.268
Khác	31.936.669	48.606.376
TỔNG CỘNG	**128.890.969**	**99.185.827**
Dài hạn		
Chi phí cải tạo văn phòng, nhà kho	5.507.666.247	13.115.604.336
Chi phí thuê kho	-	990.468.000
Công cụ dụng cụ	117.527.428	329.181.659
Khác	202.995.373	13.082.500
TỔNG CỘNG	**5.828.189.048**	**14.448.336.495**

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tây Hồ	330.156.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Hoàng Anh Phát	-	2.522.256.965
Phải trả người bán khác	129.790.702	249.107.368
Phải trả bên liên quan *(Thuyết minh số 25)*	279.197.084	106.024.435
TỔNG CỘNG	**739.143.786**	**2.877.388.768**

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng*	*Giảm/ Cấn trừ*	*Số cuối năm*
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.170.611.283	(737.481.940)	2.433.129.343
Thuế giá trị gia tăng	1.105.284.653	10.231.781.459	(11.337.066.112)	-
Thuế đất	300.756.704	48.870.104.204	(49.170.860.908)	-
Thuế thu nhập cá nhân	274.743.086	1.942.115.694	(1.636.235.014)	580.623.766
TỔNG CỘNG	**1.680.784.443**	**64.214.612.640**	**(62.881.643.974)**	**3.013.753.109**
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	3.928.809.618	(3.588.559.727)	340.249.891
Thuế khác	560.395.605	26.035.000	(586.430.605)	-
TỔNG CỘNG	**560.395.605**	**3.954.844.618**	**(4.174.990.332)**	**340.249.891**

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	152.399.996	245.738.000

15. PHẢI TRẢ KHÁC

15.1 Phải trả ngắn hạn khác

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời *(i)*	40.000.000.000	40.000.000.000
Nhận tạm ứng thanh lý các khoản đầu tư *(ii)*	39.940.000.000	39.940.000.000
Chi phí lãi	3.000.000.000	3.000.000.000
Nhận ký quỹ	226.225.100	226.225.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.210.597.859	7.031.923.558
TỔNG CỘNG	**87.376.822.959**	**90.198.148.658**
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	*40.000.000.000*	*40.262.281.557*
Phải trả Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C	*39.940.000.000*	*39.940.000.000*
Phải trả các bên khác	*7.436.822.959*	*9.995.867.101*

(i) Đây là khoản nhận tạm ứng hỗ trợ từ SORECO theo Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Đây là khoản nhận tạm ứng từ Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C theo các Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS về việc chuyển nhượng cổ phần của The Pier mà Công ty đang nắm giữ.

15.2 Phải trả dài hạn khác

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Nhận đặt cọc từ Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("GEX")	20.000.000.000	20.000.000.000
Nhận ký quỹ từ bên liên quan *(Thuyết minh số 25)*	7.253.000.000	7.253.000.000
TỔNG CỘNG	**27.253.000.000**	**27.253.000.000**

Nhận đặt cọc từ GEX theo Hợp đồng đặt cọc ngày 10 tháng 9 năm 2020 để cùng phối hợp triển khai mọi công việc, thủ tục có liên quan cũng như duy trì quyền và lợi ích đối với Quyền Tài sản tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, số 117A Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	9.358.594.139	9.392.565.794
Trích lập quỹ	60.581.588	148.834.621
Sử dụng quỹ	(4.410.706.110)	(182.806.276)
Số cuối năm	5.008.469.617	9.358.594.139

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí trích trước của khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước				
Số đầu năm	982.533.570.000	(2.033.034.900)	602.484.679.018	1.582.985.214.118
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	12.116.317.523	12.116.317.523
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-		(148.834.621)	(148.834.621)
Thù lao Hội đồng quản trị	-		(1.774.936.500)	(1.774.936.500)
Số cuối năm	982.533.570.000	(2.033.034.900)	612.677.225.420	1.593.177.760.520
Năm nay				
Số đầu năm	982.533.570.000	(2.033.034.900)	612.677.225.420	1.593.177.760.520
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	10.964.323.904	10.964.323.904
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi *(*)*	-	-	(60.581.588)	(60.581.588)
Số cuối năm	982.533.570.000	(2.033.034.900)	623.580.967.736	1.604.081.502.836

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/STG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	98.253.357	98.253.357
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	98.253.357	98.253.357

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành là cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

19. DOANH THU

19.1 *Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	102.280.958.598	105.375.152.699
Doanh thu bán hàng hóa	-	4.333.508.681
TỔNG CỘNG	**102.280.958.598**	**109.708.661.380**
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên liên quan	*101.540.828.762*	*107.340.465.862*
Doanh thu đối với khách hàng khác	*740.129.836*	*2.368.195.518*

19.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi cho vay và lãi tiền gửi	3.331.098.597	3.061.655.843
Cổ tức được chia	84.006.000	119.978.000
Khác	10.000.000	-
TỔNG CỘNG	**3.425.104.597**	**3.181.633.843**

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn của hàng hóa đã bán	67.772.137.999	67.858.353.588
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	4.240.287.317
TỔNG CỘNG	**67.772.137.999**	**72.098.640.905**

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	3.000.000.000	3.000.000.000
Dự phòng các khoản đầu tư	12.138.033	6.715.033
TỔNG CỘNG	**3.012.138.033**	**3.006.715.033**

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng	**19.731.624**	**60.709.967**
Khấu hao tài sản cố định	19.731.624	60.709.967
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**20.864.485.903**	**22.312.280.283**
Chi phí nhân viên	16.573.858.798	14.416.234.879
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.042.839.817	3.782.182.816
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	181.021.464	455.702.047
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	677.320.675	296.595.954
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.389.445.149	3.361.564.587
TỔNG CỘNG	**20.884.217.527**	**22.372.990.250**

23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.855.948.936	59.879.257.640
Chi phí nhân viên	16.573.858.798	14.416.234.879
Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 8 và 9)*	11.656.081.179	12.118.584.685
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	4.240.287.317
Chi phí khác	1.570.466.613	3.817.266.634
TỔNG CỘNG	**88.656.355.526**	**94.471.631.155**

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.170.611.283	3.972.124.940
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	11.654.829
TỔNG CỘNG	**3.170.611.283**	**3.983.779.769**

Dưới đây là đối chiếu giữa tổng lợi nhuận kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và thu nhập tính thuế:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**14.134.935.187**	**16.100.097.292**
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	2.826.987.037	3.220.019.458
Các khoản điều chỉnh:		
Cổ tức nhận được	(12.000.000)	(23.995.600)
Chi phí không được trừ	355.624.246	787.755.911
Chi phí thuế TNDN	**3.170.611.283**	**3.983.779.769**

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.3 *Thuế TNDN hoãn lại*

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho khoản chênh lệch tạm thời như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán riêng		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Dự phòng trợ cấp thôi việc	39.931.187	39.931.187	-	(11.654.829)

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Tập đoàn ITL	Công ty mẹ
PSA Cargo Solutions Vietnam Investments Pte Ltd	Cổ đông
Công ty TNHH MTV ITL Logistics Đà Nẵng	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Bất động sản Soreco	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Liên danh BNX - Vietranstimex	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Logistics	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam	Công ty con

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	347.962.308	1.176.702.048
		Chi hộ	333.062.481	792.912.654
		Thu cho vay	-	65.000.000.000
		Cho vay	-	15.000.000.000
		Lãi cho vay	-	1.043.710.247

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ	64.692.838.464	63.933.261.948
		Bán hàng hóa	-	645.773.181
		Chi hộ	74.948.195	-
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.786.156.501	33.372.744.306
		Bán hàng hóa	-	432.734.928
		Lãi cho vay	1.202.761.095	-
		Chi hộ	65.708.006	-
		Cho vay	61.000.000.000	-
		Trả vay	11.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1.176.414.504	990.342.708
		Chi hộ	3.336.734	-
		Cho vay	-	12.500.000.000
		Thu hồi cho vay	-	12.500.000.000
		Bán hàng hóa	-	1.611.783.636
		Lãi cho vay	-	479.570.959
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty liên doanh	Cung cấp dịch vụ	6.537.456.985	5.177.123.107
Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc	Chi hộ	-	196.208.817
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình	Công ty con gián tiếp	Mua dịch vụ	42.760.403.505	79.807.400
Công ty Cổ phần Tập đoàn ITL	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	117.743.891	74.254.223
PSA Cargo Solutions Vietnam Investments Pte Ltd	Cổ đông	Mua dịch vụ	240.000.000	-

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.602.611.440	6.077.756.554
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11.860.353.718	5.860.549.012
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.502.894.996	5.684.474.177
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	2.026.477.767	1.001.162.381
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	731.917.154	323.101.284
			22.724.255.075	**18.947.043.408**
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Lãi cho vay	-	4.731.781
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Cho vay	50.000.000.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Tập đoàn ITL	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	116.218.154	82.194.561
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Mua dịch vụ	22.978.930	23.829.874
PSA Cargo Solutions Vietnam Investments Pte Ltd	Cổ đông	Mua dịch vụ	140.000.000	-
			279.197.084	**106.024.435**

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên doanh	Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời	40.000.000.000	40.000.000.000
Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc	Chi hộ	-	196.208.817
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Công ty con	Chi hộ	-	57.551.540
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Chi hộ	-	8.521.200
			40.000.000.000	**40.262.281.557**
Phải trả dài hạn khác				
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Đặt cọc	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty con	Đặt cọc	253.000.000	253.000.000
			7.253.000.000	**7.253.000.000**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy Ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Ông Đặng Vũ Thành	2.157.306.667	2.292.589.159
Ông Phay Wenfu, Daniel	870.800.000	678.730.000
Ông Kelvin Lim Chia Siong	746.313.333	-
Ông Đỗ Lê Hùng	504.000.000	504.000.000
Ông Trần Tuấn Anh	180.000.000	180.000.000
Ông Lee Kian Huat	120.000.000	121.000.000
Ông Nguyễn Quốc Thúc	120.000.000	120.000.000
Bà Seow Hwee	120.000.000	63.000.000
TỔNG CỘNG	**4.818.420.000**	**3.959.319.159**

26. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	32.567.433.925	98.055.284.874
Từ 1 đến 5 năm	16.744.306.360	27.457.778.718
Trên 5 năm	41.671.557.270	7.897.727.273
TỔNG CỘNG	**90.983.297.555**	**133.410.790.865**

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê kho, đất và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động, với các khoản tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	80.910.756.399	47.176.720.252
Từ 1 đến 5 năm	13.367.164.093	16.744.306.360
Trên 5 năm	7.215.909.091	45.020.418.541
TỔNG CỘNG	**101.493.829.583**	**108.941.445.153**

Các cam kết khác

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản bảo lãnh cho các khoản vay và thuê tài chính cho bên liên quan với hạn mức bảo lãnh như sau:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex	Công ty con	Thuê tài chính	37.000.000.000	56.000.000.000

Kiện tụng

Vào ngày 23 tháng 1 năm 2019, Tòa án Nhân dân Quận 4 đang thụ lý vụ kiện trong đó một công ty bảo hiểm đã khởi kiện Công ty về việc hoàn trả tiền bảo hiểm mà công ty bảo hiểm này đã đền bù cho một khách hàng liên quan đến vụ cháy tại Kho Quận 4 của Công ty vào ngày 25 tháng 6 năm 2017 với số tiền là 11.781.673.242 VND. Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đang trong quá trình chuẩn bị các hồ sơ liên quan cho việc tranh tụng và kết quả vụ kiện chưa thể xác định được một cách đáng tin cậy vì vậy Công ty chưa trích lập bất kỳ khoản dự phòng nào liên quan đến vụ kiện này trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, mà trình bày là khoản nợ tiềm tàng theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Hoàng Thị Anh Thư	Nguyễn Mai Khánh Trình	Đặng Vũ Thành
Người lập	Kế toán trưởng/ Giám đốc tài chính	Tổng Giám đốc

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn